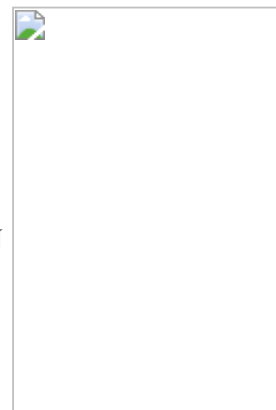


CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH:

Mã hồ sơ:.....

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: ; Chuyên ngành:

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Trường Thắng

2. Ngày tháng năm sinh: 27/12/1974; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: xã Đặng Cương - huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Lô 21 - Khu tập thể Công ty 18/4 - ngõ 86 phố Duy Tân - phường Dịch Vọng Hậu - quận Cầu Giấy, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Lô 21 - Khu tập thể Công ty 18/4 - ngõ 86 phố Duy Tân - phường Dịch Vọng Hậu - quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0927009172;

E-mail: ntthang@ioit.ac.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm 01,1997 đến tháng, năm 01,2007: Nghiên cứu viên tại Phòng Nhận dạng và Công nghệ trí thức - Viện Công nghệ thông tin, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Từ tháng, năm 01,2007 đến tháng, năm 12,2012: Giám đốc tại Trung tâm công nghệ và giải pháp phần mềm - Viện Công nghệ thông tin, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Từ tháng, năm 01,2013 đến tháng, năm 06,2015: Phó Viện trưởng tại Viện Công nghệ thông tin, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Từ tháng, năm 01,2013 đến tháng, năm 07,2021: Trưởng phòng tại Phòng Công nghệ và Giải pháp phần mềm - Viện Công nghệ thông tin, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Từ tháng, năm 07,2015 đến tháng, năm 08,2021: Viện trưởng tại Viện Công nghệ thông tin, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Từ tháng, năm 01,2017 đến tháng, năm 08,2021: Trưởng khoa CNTT - VT tại Học viện Khoa học và Công nghệ

Chức vụ: Hiện nay: Viện trưởng; Chức vụ cao nhất đã qua: Viện trưởng

Cơ quan công tác hiện nay: Viện Công nghệ thông tin + Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Địa chỉ cơ quan: 18 Hoàng Quốc Việt - quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 02437564405

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Trường đại học Công nghệ - Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường đại học Công nghệ thông tin – Truyền thông – Đại học Thái Nguyên, Đại học Công nghiệp Hà Nội, Đại học Điện lực Hà Nội, Học viện An ninh nhân dân

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Viện Công nghệ thông tin, Học viện Khoa học và Công nghệ, Đại học Công nghiệp Hà Nội, Đại học Điện lực Hà Nội

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 02 tháng 05 năm 1997, số văn bằng: UNSW_02May1997, ngành: CNTT, chuyên ngành: Khoa học máy tính

Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Đại học New South Wales – Sydney, New South Wales - Australia

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 25 tháng 09 năm 2002, số văn bằng: I-935, ngành: CNTT, chuyên ngành: Công nghệ phần mềm

Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Viện Khoa học và Công nghệ tiên tiến Nhật Bản – JAIST, Japan

- Được cấp bằng TS [5] ngày 22 tháng 09 năm 2005, số văn bằng: DI-149, ngành: CNTT, chuyên ngành: Công nghệ phần mềm

Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Viện Khoa học và Công nghệ tiên tiến Nhật Bản – JAIST, Japan

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh tại HĐGS cơ sở: Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (Hội đồng II: Ngành Vật lý, Cơ học, Công nghệ Thông tin)

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh tại HĐGS ngành, liên ngành:

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Công nghệ phần mềm, Các phương pháp hình thức
- Khoa học máy tính
- Trí tuệ nhân tạo
- SMAC (Dữ liệu lớn, điện toán đám mây) & An ninh mạng

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 3 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) ... HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận án ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 4 cấp Nhà nước; 2 cấp Bộ;

- Đã công bố (số lượng) 79 bài báo khoa học, trong đó 1 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) 1 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 1, trong đó 1 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
Không có			

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực

Không có

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 12 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/Số giờ quy đổi/Số giờ định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2015-2016	1	1			37	90	127/50/135
2	2016-2017	2				55	135	190/66/135
3	2017-2018	1	1	1			90	90/75/135
03 năm học cuối								
4	2018-2019	1					240	240/33/135
5	2019-2020	1		2			225	225/83/135
6	2020-2021						315	315/0/135

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Anh, Nhật

a) Được đào tạo ở nước ngoài :

- Học ĐH ; Tại nước: Australia; Từ năm 1993 đến năm 1997

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; Tại nước: Nhật Bản năm 2005

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước :

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài :

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Học viện KHCN Việt Nam

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

--	--	--	--	--	--	--	--	--

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/B SNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVC H/CK 2/BS NT	Chính	Phụ			
1	Trần Mạnh Đông		X	X		06/2011 đến 06/2013	Đại học Công nghệ - Đại học quốc gia Hà Nội	2013
2	Nguyễn Văn Trãi		X	X		06/2011 đến 06/2013	Đại học Công nghệ - Đại học quốc gia Hà Nội	2013
3	Đình Quang Đạt		X	X		06/2011 đến 06/2013	Đại học Công nghệ - Đại học quốc gia Hà Nội	2013
4	Trần Bá Hùng		X	X		06/2012 đến 06/2014	Học viện Kỹ thuật quân sự	2014
5	Bùi Thị Thư		X	X		06/2012 đến 06/2014	Đại học Công nghệ - Đại học quốc gia Hà Nội	2014
6	Nguyễn Thanh Liêm		X	X		06/2012 đến 06/2014	Đại học Khoa học tự nhiên - Đại học quốc gia Hà Nội	2014
7	Đặng Quốc Bảo		X	X		06/2018 đến 06/2019	Học viện Khoa học xã hội	2019
8	Hà Đức Toàn		X	X		06/2020 đến 06/2021	Học viện Khoa học xã hội	2021
9	Nguyễn Thùy Linh		X	X		01/2020 đến 09/2020	Học viện Khoa học công nghệ	2020
10	Tô Hữu Nguyên	X		X		10/2012 đến 10/2019	Học viện Khoa học công nghệ	2020
11	Trần Huy Dương	X		X		09/2016 đến 09/2020	Học viện Khoa học công nghệ	2021
12	Đỗ Minh Nam	X		X		09/2015 đến 09/2019	Đại học Khoa học tự nhiên - Đại học quốc gia Hà Nội	2021

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phầ n biên soạn (từ tran	Xác nhận của cơ sở GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
----	----------	----------------------------------	------------------------------------	------------------	-------------	---	---

						g ... đến tran g)	
Sau							
1	An ninh không gian mạng	GT	Nhà xuất bản Công an nhân dân, năm 2016	3	VC	(Chương 5 và 6)	Học viện An ninh nhân dân, Học viện Cảnh sát nhân dân

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0 ()

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/ TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả
Trước					
1	Nghiên cứu một số vấn đề hiện đại của CNTT	TK	KH.01.10, cấp Nhà nước	1/1/1996 đến 1/1/1998	1999
2	Nghiên cứu một số vấn đề hiện đại của CNTT	TK	KH.01.10, cấp Nhà nước	1/1/1999 đến 31/12/2000	2001
3	Các mô hình cơ bản và thuật giải hiệu quả để khai thác thông tin từ tiếng Việt, chữ viết và khám phá tri thức từ dữ liệu không gian	TK	2.1.3/2001, cấp Nhà nước	1/1/2001 đến 31/12/2005	2006
Sau					
4	Nâng cao năng lực nghiên cứu và làm chủ công nghệ phân tích dữ liệu lớn nhằm tăng cường hiệu quả điều hành của các cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp dựa trên các nguồn dữ liệu trực tuyến	CN	12/FIRST/2a/IoIT, cấp Nhà nước	01/05/2018 đến 31/12/2019	2020
5	Kiểm chứng phần mềm nhúng và ứng dụng	CN	VAST.NHATBA	31/12/2011	2015

			N/2011-2014, cấp Bộ	đến 31/12 /2014	
6	Hệ thống đeo tay hỗ trợ đọc sách cho người khiếm thị	CN	VAST01 .07/15-16, cấp Bộ	1/1/2015 đến 30/6/2017	2017

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước								
1	On the practical approach for Vietnamese Optical Character Recognition	3	Không	Vietnam – Japan Workshop on Fuzzy Logic (VJFUZZY)				10/1998
2	Evolution of Collaboration-based Methodology	2	Có	Engineering Complex Object-Oriented Systems for Evolution (ECOOSE)				10/2001
3	Toward a practical framework for Vietnamese Natural Language Processing	4	Không	Vietnam – Japan Workshop on Fuzzy Logic (VJFUZZY)				12/2001
4	Collaboration-based Evolvable Software Implementations: Java and Hyper/J vs. C++ - templates composition	2	Có	ACM SIGSOFT Proc. International Workshop on Principles of Software Evolution (IWPSE)			29-34	05/2002
5	Towards a Sound Modular	2	Có	IEEE Computer Asia-Pacific Software	Conference Ranking -		88-97	12/2003

	Model Checking of Collaboration-Based Software Designs			Engineering Conference APSEC	Hạng B			
6	Dynamic Behavior and Protocol Models for Incremental Changes among a Set of Collaborative Objects	2	Có	ACM SIGSOFT Proc. International Workshop on Principles of Software Evolution (IWPSE)			45-50	09/2003
7	A Framework for Unanticipated Software Changes	2	Có	Unanticipated Software Evolution (USE) Workshop			114-139	04/2003
8	Open Incremental Model Checking	2	Có	Microsoft Research - Specification and Verification of Component-Based Systems (SAVCBS) Workshop			134-137	10/2004
9	Handling Consistency of Software Evolution in an Efficient Way	2	Có	ACM SIGSOFT Proc. International Workshop on Principles of Software Evolution (IWPSE)			121-130	09/2004
Sau								
10	Specification and Verification of Inter-Component Constraints in CTL	2	Có	Microsoft Research - Specification and Verification of Component-Based Systems (SAVCBS) Workshop			48-55	09/2005
11	Constructing Open Systems via Consistent Components	2	Có	International Colloquium on Theoretical Aspects of Computing (ICTAC), Springer-Verlag LNCS			517-531	10/2005
12	A Formal Approach Facilitating the Evolution of Component-Based Software	2	Có	ACM SIGSOFT Proc. International Workshop on Principles of Software Evolution (IWPSE)			49-52	09/2005
13	An Assumption	3	Không	Japan-Vietnam			43-52	08/200

	Regeneration Approach for Component-Based Software Verification			Workshop on Software Engineering 2006				6
14	Future Software Development with Components and Modular Verification	2	Có	Japan-Vietnam Workshop on Software Engineering 2006			21-31	08/2006
15	Modular Verification of Component-Based Embedded Software Designs	2	Có	Embedded Systems Symposium (ESS)			63-69	10/2006
16	Two Critical Conditions for Modular Verification of Variable-Modifying Aspects	2	Có	Asian Workshop on Aspect-Oriented Software Development (AOA)				09/2006
17	An Open Architecture for Static Code-Analyzing Tools	5	Có	Japan-Vietnam Workshop on Software Engineering 2007				08/2007
18	Một kỹ thuật mới trong việc sinh dữ liệu kiểm thử tự động cho xUnit	2	Có	Kỷ yếu hội thảo Nghiên cứu Cơ bản và Ứng dụng CNTT (FAIR)			100-110	12/2009
19	Vấn phạm đặc tả và giải thuật sinh kịch bản kiểm thử	2	Không	Kỷ yếu hội thảo Nghiên cứu Cơ bản và Ứng dụng CNTT (FAIR)			305-314	08/2011
20	Kiểm chứng hình thức cho hệ thống tương tranh với CSP và PAT	4	Không	Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia CNTT lần thứ 15			158-164	12/2012
21	Một tiếp cận mô hình và ngôn ngữ truy vấn dữ liệu các đối tượng chuyển động	4	Không	Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia CNTT lần thứ 15			273-278	12/2012

22	Novel testing techniques for embedded systems	4	Có	The 6th VAST – AIST Joint Workshop				11/2015
23	Kiểm chứng mô hình cho mã nguồn C#: Một cách tiếp cận mô hình hóa	5	Có	Kỹ yếu Hội thảo Quốc gia CNTT lần thứ 16			158-164	11/2013
24	Phương pháp phân tích chương trình tĩnh dựa trên đồ thị luồng điều khiển	4	Không	Kỹ yếu Hội thảo Quốc gia CNTT lần thứ 16			271-276	11/2013
25	Phân tích hình dạng bộ nhớ heap của chương trình	4	Không	Kỹ yếu Hội thảo Quốc gia CNTT lần thứ 17			251-256	10/2014
26	Cải tiến chất lượng thông tin vết thực thi của Java PathFinder thông qua phân mở rộng truy vết thực thi	4	Không	Kỹ yếu Hội thảo Quốc gia CNTT lần thứ 17			31-37	10/2014
27	Cách tiếp cận kiểm chứng hình thức cho giao thức bảo mật	3	Không	Kỹ yếu Hội thảo Quốc gia CNTT lần thứ 18			23-26	11/2015
28	Cơ sở lý thuyết và ứng dụng của phương pháp qui nạp trong đảm bảo giao thức bảo mật thông tin	2	Không	Kỹ yếu Hội thảo Quốc gia CNTT lần thứ 18			53-59	11/2015
29	Phát hiện lỗ hổng trong giao thức bảo mật sử dụng các phương pháp hình thức	3	Không	Kỹ yếu Hội thảo Quốc gia CNTT lần thứ 18			256-261	11/2015
30	Model-Based Verification of Embedded Systems from Industrial Perspective	1	Có	The 7th VAST – AIST Joint Workshop			159-168	11/2015

31	The Combination of Ast-based and CFG-based Techniques for Program Analysis	4	Không	The 7th VAST – AIST Joint Workshop			181-192	11/2015
32	Kiểm chứng chương trình dựa trên sinh điều kiện kiểm chứng và chứng minh định lý	3	Không	Kỷ yếu hội thảo Nghiên cứu Cơ bản và Ứng dụng CNTT (FAIR)			336-343	07/2015
33	Interaction Analysis of Annotated Specification and Program Codes in Extended Static Checking	2	Có	IEEE Computer Proceedings of Research, Innovation and Vision of Future (RIVF)			144-151	01/2015
34	Content-Based Image Retrieval Using Multiple Features and Pareto Approach	4	Không	Journal of Computer Science and Cybernetics	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		21, 2, 169-188	09/2016
35	Improving classification engine in content-based image retrieval by multi-poin queries via Pareto approach	4	Không	Journal of Informatics and Mathematical Sciences	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		10, 1-2, 93-108	09/2016
36	AutoBot: A Versatile Platform for Management of Legacy Applications in the Cloud	2	Không	The 7th International Symposium of Information and Communication Technology (SoICT) - ACM			403-410	12/2016
37	Tra cứu ảnh theo nội dung sử dụng tập Pareto và mô hình học thống kê CART	4	Không	Chuyên san các công trình nghiên cứu, phát triển và ứng dụng CNTT&TT	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		16, 26, 27-39	12/2016
38	Tăng cường thuật toán AdaBoost bằng	4	Không	Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia CNTT lần thứ 19			348-354	09/2016

	cách sử dụng tập Pareto trong ứng dụng tra cứu ảnh dựa vào nội dung							
39	Scyther: Công cụ kiểm chứng và phân tích giao thức bảo mật	4	Không	Kỹ yếu Hội thảo Quốc gia CNTT lần thứ 19			326-331	09/2016
40	Process calculus and Horn clauses-based deduction in the verification of security protocols	1	Có	Kỹ yếu Hội thảo Quốc gia CNTT lần thứ 19			305-314	09/2016
41	Lý thuyết qui trình và ứng dụng trong mô hình hóa giao thức bảo mật	2	Có	Kỹ yếu Hội thảo Quốc gia CNTT lần thứ 19			198-205	09/2016
42	Các kỹ thuật hình thức trong kiểm chứng cấu hình và chính sách bảo mật thông tin	4	Không	Kỹ yếu Hội thảo Quốc gia CNTT lần thứ 19			43-48	09/2016
43	SMAC và bảo mật thông tin – nền tảng công nghệ thông tin cho các đột phá chiến lược dịch vụ ngân hàng	1	Có	Hội thảo Banking Vietnam 2016			105-116	05/2016
44	Phương pháp hình thức dựa trên logic trong phân tích an ninh mạng	3	Không	Kỹ yếu hội thảo Nghiên cứu Cơ bản và Ứng dụng CNTT (FAIR)			656-666	08/2017
45	Big Data Analytics and Its Applications in Credit Scoring	3	Không	International Conference on Big Data for Banking and Financial Industry (BDBF)				06/2017
46	Ứng dụng phân tích dữ liệu lớn trong du lịch	3	Không	Hội thảo khoa học ứng dụng CNTT trong du lịch – Xu hướng và giải pháp đón đầu			68-74	06/2017

				trước hội nhập ngành du lịch Việt Nam				
47	Nghiên cứu công nghệ AR-LBS tích hợp bản đồ giả 2.5D ứng dụng trong du lịch	3	Không	Hội thảo khoa học ứng dụng CNTT trong du lịch – Xu hướng và giải pháp đón đầu trước hội nhập ngành du lịch Việt Nam			20-30	06/2017
48	A hand-worn system to assist visually impaired people to read	5	Không	Kỹ yếu Hội thảo Quốc gia CNTT lần thứ 20			1-5	11/2017
49	Phân tích dữ liệu viễn thông và mạng xã hội cho bài toán chấm điểm tín dụng ngân hàng	5	Không	Kỹ yếu Hội thảo Quốc gia CNTT lần thứ 20			219-225	11/2017
50	Phân tích lỗ hổng bảo mật Web dựa trên kiểm chứng mô hình	4	Không	Kỹ yếu Hội thảo Quốc gia CNTT lần thứ 20			232-238	11/2017
51	Quét lỗ hổng trong phân tích an ninh mạng	4	Không	Kỹ yếu Hội thảo Quốc gia CNTT lần thứ 20			297-304	11/2017
52	Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và yêu cầu đặt ra với sự phát triển khoa học - công nghệ của Việt Nam	1	Có	Tạp chí Cộng sản	- Hệ thống CSDL quốc tế khác			11/2017
53	Một số công nghệ nền tảng của CMCN 4.0 và yêu cầu đối với công tác đào tạo trong các trường công an nhân dân	1	Có	Kỹ yếu hội thảo khoa học cuộc Cách mạng 4.0 và những vấn đề đặt ra đối với công tác giáo dục đào tạo trong công an nhân dân			213-217	12/2017
54	Công nghệ Blockchain trong vấn đề đảm bảo tính toàn vẹn và minh bạch của dữ liệu	4	Không	Kỹ yếu Hội thảo Quốc gia CNTT lần thứ 21			59-66	07/2018

55	Một số kỹ thuật tăng cường hiệu quả của hệ thống nhận đọc thông minh	5	Không	Kỹ yếu Hội thảo Quốc gia CNTT lần thứ 21			211-215	07/2018
56	Nghiên cứu phương pháp trừu tượng hóa mô hình trong phân tích lỗi hồng mạng	4	Không	Kỹ yếu Hội thảo Quốc gia CNTT lần thứ 21			249-255	07/2018
57	Nghiên cứu về MatLab-Simulink và sinh ca kiểm thử tự động cho các hệ thống nhúng	4	Không	Kỹ yếu Hội thảo Quốc gia CNTT lần thứ 21			262-267	07/2018
58	Application of blockchain technology to guarantee the integrity and transparency of documents	4	Có	IJCSNS International Journal of Computer Science and Network Security	- ESCI		18, 12, 7-15	12/2018
59	A Robust PCA-SURE Thresholding Deep Neural Network Approach for Mental Task Brain Computer Interface	5	Không	Journal of Informatics and Mathematical Sciences	- Hệ thống CSDL quốc tế khác			04/2018
60	Improving classification engine in content-based image retrieval by multi-point queries via Pareto approach	4	Không	Journal of Informatics and Mathematical Sciences	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		10, 1, 93-108	09/2018
61	An algorithm for improving algebraic degree of S-Box coordinate Boolean functions based on affine equivalence transformation	4	Không	Journal of Informatics and Mathematical Sciences	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		10, 2	03/350

62	Blockchain Technology for Data Entirety	4	Không	Science Research	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		6, 6, 68-75	12/2018
63	Mining top-k frequent sequential pattern in item interval extended sequence database	4	Không	Journal of Computer Science and Cybernetics	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		34, 3, 262-267	09/2018
64	Cải thiện dự đoán rủi ro trong cho vay trực tuyến (P2P) sử dụng phương pháp lựa chọn thuộc tính và học sâu	5	Không	Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia CNTT lần thứ 22			46-52	06/2019
65	Một công cụ đo kiểm giao thức MQTT cho những ứng dụng IoT phục vụ cho việc ra quyết định co dân tài nguyên trên đám mây	3	Không	Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia CNTT lần thứ 22			151-156	06/2019
66	Phương pháp sinh dữ liệu kiểm thử tự động cho hệ thống nhúng liên tục theo thời gian sử dụng tín hiệu tích hợp	4	Không	Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia CNTT lần thứ 22			266-271	06/2019
67	Flexible deployment of component-based distributed applications on the Cloud and beyond	2	Không	KSII Transactions on Internet and Information Systems	- SCIE IF: 0.858		13, 3, 1141-1163	03/2019
68	Improve Risk Prediction in Online Lending (P2P) Using Feature	6	Có	IJCSNS International Journal of Computer Science and Network Security	- ESCI		19, 11, 216-222	11/2019

76	Filter-Wrapper Incremental Algorithms for Finding Reduct in Incomplete Decision Systems when Adding and Deleting an Attribute Set	6	Có	International Journal of Data Warehousing and Mining	- SCIE IF: 0.625		17, 2, 39-62	03/2021
77	Efficient Algorithms for Dynamic Incomplete Decision Systems	6	Có	International Journal of Data Warehousing and Mining	- SCIE IF: 0.625		17, 3, 44-67	05/2021
78	A Novel Filter-Wrapper Algorithm on Intuitionistic Fuzzy Set for Attribute Reduction from Decision Tables	7	Có	International Journal of Data Warehousing and Mining	- SCIE IF: 0.625		17, 4, 67-100	07/2021
79	Towards an Elastic Fog-Computing Framework for IoT Big Data Analytics Applications	3	Không	Wireless Communications and Mobile Computing	- SCIE IF: 2.236		2021 16	07/2021

- Trong đó, số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 0 ()

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó, số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 0

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
Sau					

1	Phương pháp, thiết bị và vật ghi có thể đọc được bằng máy tính để nhận dạng chữ viết in tiếng Việt và tiếng Anh và chuyển thành giọng nói	Cục Sở hữu trí tuệ	23/09/2019	Nguyễn Trường Thắng	5
---	---	--------------------	------------	---------------------	---

- Trong đó, số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự): 1

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

T	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
Không có						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2021

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)